**GIỚI THIỆU MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

**MINH HỌA, MÔN NGỮ VĂN 7**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích). | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***1.5*** | ***0.5*** | ***2.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (Ngụ ngôn) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện ngụ ngôn; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện, ngôi kể.  - Xác định được phó từ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng.  - Hiểu nghĩa của một số yếu tố Hán Việt.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học từ văn bản.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử (Có sử dụng các yếu tố miêu tả) | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; có sử dụng các yếu tố miêu tả. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Tổng | | |  | 3 TN  1\* | 5TN  1\* | 2 TL  1\* | 1 TL\* |
| *Tỉ lệ %* | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| Tỉ lệ chung | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

*Xưa, có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường. Người qua, kẻ lại thường ghé vào xem anh ta đẽo cày.*

*Một hôm, một ông cụ nói:*

* *Phải đẽo cho cao, cho to thì mới dễ cày.*

*Anh ta cho là phải, đẽo cái nào cũng vừa to, vừa cao.*

*Mấy hôm sau, một bác nông dân rẽ vào, nhìn đống cày, lắc đầu nói:*

* *Đẽo thế này thì cày sao được! Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cày.*

*Nghe cũng có lý, anh ta liền đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Nhưng hàng bày đầy ra ở cửa, chẳng ai mua. Chợt có người đến bảo:*

* *Ở miền núi, người ta phá hoang, cày toàn bằng voi cả. Anh mau đẽo to gấp đôi, gấp ba như thế này thì bao nhiêu cày bán cũng hết, tha hồ mà lãi.*

*Nghe nói được nhiều lãi, anh ta đem bao nhiêu gỗ còn lại đẽo tất cả loại cày để cho voi cày. Nhưng ngày qua, tháng lại, chẳng thấy ai đến mua cày voi của anh ta cả. Thế là bao nhiêu gỗ của anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá. Vốn liếng đi đời nhà ma. Khi anh ta hiểu cả tin người là dại thì đã quá muộn.*

(*Truyện ngụ ngôn người Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Truyện *Đẽo cày giữa đường* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện ngụ ngôn

C. Truyền thuyết

D. Thần thoại.

**Câu 2.** Xác định ngôi kể của truyện.

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

**Câu 3.** Tìm các phó từ có trong câu: “*Khi anh ta hiểu cả tin người là dại thì đã quá muộn*.”

A. Khi, thì

B. Khi, là

C. Thì, đã

D. Đã, quá

**Câu 4.** Người thợ mộc đã hành động như thế nào sau mỗi lần được góp ý?

A. Người thợ mộc không làm gì cả.

B. Người thợ mộc suy xét theo thực tế và làm theo ý của mình.

C. Người thợ mộc không suy xét theo thực tế, làm theo ý của người đi đường.

D. Người thợ mộc suy xét kỹ theo thực tế và làm theo ý của người đi đường.

**Câu 5.** Tại sao người thợ mộc lại đẽo cày theo ý của những người đi đường?

A. Vì anh ta không có chính kiến, không biết chọn lọc ý kiến.

B. Vì ý kiến của những người đi đường là hoàn toàn đúng đắn.

C. Vì anh ta muốn cửa hàng của mình có nhiều loại cày.

D. Vì anh ta yêu quý và tôn trọng ý kiến của những người đi đường.

**Câu 6.** Em hiểu gì về thành ngữ *“Đẽo cày giữa đường”*?

A. Chỉ những người chuyên đẽo cày giữa đường để bán.

B. Chỉ những kẻ không có chính kiến, thay đổi theo ý kiến của người khác.

C. Ca ngợi người siêng năng làm việc mọi lúc mọi nơi.

D. Chỉ những người hay đưa ra những ý kiến khiến người khác thất bại.

**Câu 7.** Nhận xét nào sau đây đúng với truyện “*Đẽo cày giữa đường*”?

A. Phê phán những kẻ không có chính kiến, thiếu lập trường.

B. Phê phán những kẻ huênh hoang, ngạo mạn.

C. Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà không chịu học hỏi.

D. Phê phán những kẻ chuyên đi phá hoại thành quả của người khác.

**Câu 8.** Ý nghĩa của yếu tố *mộc* trong từ *thợ mộc*:

A. Đẽo

B. Sửa

C. Cày

D. Gỗ

**Câu 9.** Qua câu chuyện của người thợ mộc, em rút ra bài học gì cho mình?

**Câu 10.** Nhận xét về tình huống truyện trong tác phẩm.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em ấn tượng.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | 6,0 |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học về cách ứng xử trước những lời góp ý của người khác.  Gợi ý:  + Cần có chính kiến.  + Lắng nghe nhưng tiếp thu có chọn lọc những ý kiến phù hợp tình hình thực tế. | 1,0 |
|  | **10** | - HS biết nhận xét/ đánh giá tình huống truyện.  + Tình huống đơn giản, dễ hiểu.  + Lặp lại sự việc để khắc họa rõ tính cách của nhân vật. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0,25 |
|  | *c. Kể một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể phù hợp (thứ nhất số ít hoặc số nhiều).  - Giới thiệu được sự việc có thật có liên quan đến nhân vật/ sự kiện.  - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.  - Thuật lại diễn biến củ sự việc theo trình tự hợp lí.  - Cho thấy mối liên hệ giữa sự việc có thật với nhân vật.  - Sử dụng tư liệu đáng tin cậy.  - Khẳng định ý nghĩa của sự việc.  - Nêu càm nhận của người viết về sự việc. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. Có yếu tố miêu tả.  Sử dụng các câu, đoạn miêu tả phù hợp (tả cảnh quan, nhân vật, vật chứng,...) | 0,5 |